

Số: /QĐ-UBND

Đông Giang, ngày 26 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý vùng nuôi tôm
trên địa bàn phường Đông Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 22/11/2017; Luật Thú y ngày 12/12/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 về quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Thông tư số 45/2010/TT-BNNPTNT ngày 22/7/2010 quy định điều kiện cơ sở, vùng nuôi tôm sú, tôm chân trắng thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2016 quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản; Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 14/2021/TT-BNNPTNT ngày 01/12/2021 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND thành phố Đông Hà về việc ban hành Quy chế quản lý vùng nuôi tôm trên địa bàn thành phố Đông Hà;

Theo đề nghị của công chức Địa chính - Xây dựng phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý vùng nuôi tôm trên địa bàn phường Đông Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND phường, công chức Địa chính - Xây dựng phụ trách lĩnh vực Địa chính - Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng Kinh tế thành phố;
- BTV Đảng ủy phường;
- CT, PCT UBND phường;
- Công an phường;
- HTX Đông Giang 2;
- Các khu phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Kiệt

QUY CHẾ**Quản lý vùng nuôi tôm trên địa bàn phường Đông Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2023
của UBND phường Đông Giang)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về điều kiện hoạt động nuôi tôm, quyền và nghĩa vụ của các chủ cơ sở nuôi tôm; những hành vi bị cấm trong hoạt động nuôi tôm, hoạt động quản lý Nhà nước đối với vùng nuôi tôm tập trung.

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở nuôi tôm tại vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn phường Đông Giang;
- HTX Đông Giang 2 và các khu phố, đơn vị liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở nuôi tôm: Là nơi diễn ra hoạt động nuôi tôm do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm chủ.

2. Vùng nuôi tôm tập trung: Là khu vực gồm một hay nhiều cơ sở nuôi tôm với diện tích đất nuôi tôm tối thiểu 05 ha, không phân biệt địa giới hành chính, cùng sử dụng chung nguồn nước cấp và hệ thống xử lý nước thải theo quy hoạch. Hoạt động nuôi tôm được thực hiện riêng theo từng cơ sở, nhưng chịu sự quản lý chung của hợp tác xã nuôi tôm.

4. Quản lý vùng nuôi tôm tập trung: Là biện pháp kiểm soát các hoạt động trong nuôi tôm, bao gồm từ khâu chọn địa điểm để xây dựng ao nuôi, cải tạo ao, xử lý nước, thả giống, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh đến thu hoạch tôm.

5. Hệ thống xử lý nước: Bao gồm ao lắng để chứa và làm sạch nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi; ao chứa nước thải để xử lý làm giảm thiểu ô nhiễm trong nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh.

6. Chất thải: Các chất thải từ hoạt động nuôi tôm, bao gồm chất bùn thải, thức ăn thừa, phân tôm, xác tôm chết, dư lượng các loại thuốc, hoá chất phòng trị bệnh cho tôm, chế phẩm sinh học và các chất xử lý môi trường ao nuôi, nước thải từ ao nuôi.

7. Cơ sở an toàn dịch bệnh và vệ sinh thực phẩm (ATVSTP): Là cơ sở vùng nuôi đạt đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Đảm bảo sản phẩm tôm nuôi không có dư lượng các chất bị cấm sử dụng;

b) Đảm bảo sản phẩm tôm nuôi không có hàm lượng các chất có thể gây hại như kim loại nặng, hoá chất tẩy trùng, thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh... vượt quá giới hạn cho phép;

c) Hạn chế đến mức thấp nhất các nguy cơ, rủi ro gây bệnh trên tôm và làm sản phẩm tôm nuôi bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh cho người tiêu dùng;

d) Các mối nguy cơ về an toàn dịch bệnh và vệ sinh thực phẩm trong các cơ sở nuôi tôm phải được kiểm soát.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÙNG NUÔI TÔM

Điều 3. Quy định về địa điểm nuôi

1. Vùng nuôi tôm phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Nằm trong vùng nuôi tôm của phường theo kế hoạch hoặc có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Việc xây dựng ao nuôi phải đảm bảo đúng diện tích đã được cấp, không coi nới, lấn chiếm hoặc sử dụng vào mục đích khác.

2. Có nguồn nước bảo đảm cung cấp đủ nước cho quá trình nuôi tôm.

3. Có nguồn điện lưới ổn định và giao thông thuận tiện.

4. Không bị ảnh hưởng bởi chất thải sinh hoạt và chất thải từ hoạt động của các ngành kinh tế khác.

Điều 4. Quy định về hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở nuôi tôm

Các cơ sở nuôi trong vùng nuôi tôm tập trung phải đảm bảo về điều kiện cơ sở hạ tầng theo đúng quy định của quy chế này. Cụ thể như sau:

1. Hệ thống ao nuôi

a) Ao nuôi phải có diện tích mặt nước tối thiểu 1.500 m²; độ sâu từ đáy ao đến mặt bờ phải đạt tối thiểu 2,0 m; bờ ao phải chắc chắn, không rò rỉ.

b) Đáy ao phải được gia cố đầm đáy, chống thấm, nền phẳng, dốc nghiêng về phía cống thoát từ 8 - 10 độ.

c) Ao phải có cống cấp và thoát nước riêng biệt, đảm bảo chắc chắn không rò rỉ. Cống cấp nước phải có lưới chắn lọc nước nhằm loại bỏ cá tạp, địch hại và cỏ rác khi cấp nước vào ao.

2. Hệ thống xử lý nước cấp và chất thải

a) Ao chứa (ao lắng): Dùng để trữ nước và xử lý làm sạch nước trước khi cấp cho các ao nuôi; diện tích ao chứa tối thiểu từ 15 - 20% tổng diện tích mặt nước của cơ sở nuôi; bờ và đáy ao chắc chắn, không rò rỉ, thấm thấu.

b) Hệ thống xử lý nước thải: Các cơ sở nuôi tôm cần có ao xử lý nước thải từ ao nuôi tôm trước khi thải ra môi trường; diện tích ao xử lý nước thải tối thiểu 10% diện tích mặt nước của cơ sở nuôi; bờ và đáy ao cũng phải được gia cố chắc chắn như ao nuôi, không để nước rò rỉ ra bên ngoài.

c) Khu chứa bùn thải và các chất thải rắn: Cơ sở nuôi tôm phải có khu chứa bùn thải đảm bảo xử lý hết lượng bùn thải sau mỗi đợt nuôi, khu chứa bùn thải tối thiểu từ 10% tổng diện tích, có bờ ngăn không để bùn và nước từ bùn thoát ra môi trường xung quanh.

3. Hệ thống kênh cấp và kênh thoát nước: Cơ sở nuôi tôm phải có kênh cấp và kênh thoát nước riêng biệt, chắc chắn, không rò rỉ, đảm bảo đủ cấp và thoát nước khi cần thiết.

4. Hệ thống cơ sở hạ tầng phụ trợ: Nhà ở, nơi làm việc, kho chứa thức ăn, kho chứa và bảo quản máy móc, dụng cụ, nguyên vật liệu và công trình phụ trợ khác tùy theo từng cơ sở nuôi. Các công trình phụ trợ phải tách biệt với hệ thống ao nuôi, đảm bảo các yêu cầu: chắc chắn, khô ráo, thông thoáng và có kệ để nguyên vật liệu cách sàn nhà tối thiểu 15cm; có ngăn bảo quản riêng biệt máy móc, ngư cụ, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, các sản phẩm xử lý cải tạo môi trường, nhiên liệu.

5. Dụng cụ, thiết bị

Trong quá trình nuôi, dụng cụ, thiết bị (trừ các thiết bị đo chỉ tiêu môi trường) không được dùng chung giữa các ao nuôi. Dụng cụ, thiết bị sau mỗi đợt sử dụng phải được vệ sinh sạch sẽ và phơi khô. Động cơ và thiết bị sử dụng trong cơ sở nuôi bảo đảm không bị rò rỉ xăng, dầu ra khu vực xung quanh.

Điều 5. Quy định về hoạt động nuôi tôm

1. Thời vụ nuôi

Thời gian thả giống phải bảo đảm theo lịch thời vụ và khuyến nghị vụ nuôi thủy sản hàng năm của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh và Phòng Kinh tế thành phố, đồng thời đảm bảo theo kế hoạch thả giống của Hợp tác xã và Tổ nuôi tôm cộng đồng đã xây dựng và thống nhất.

2. Chuẩn bị ao nuôi

a) Trước khi thả giống, cơ sở nuôi tôm phải cải tạo ao nuôi với các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu mầm bệnh và cải thiện chất lượng đáy ao, bảo đảm đáy ao phẳng, dốc nghiêng về phía cống thoát, không bị thấm, không có mùn bã hữu cơ; pH của đất >7, thời gian gián đoạn tối thiểu 01 tháng sau mỗi đợt nuôi.

b) Nước cấp vào ao nuôi phải được xử lý nhằm loại bỏ mầm bệnh, địch hại. Chất lượng nước cấp vào ao nuôi bảo đảm giá trị của các thông số được quy định tại bảng 1 - Phụ lục 1.

c) Không có địch hại (tôm, cua, còng, ốc, côn trùng, cá tạp...) trong ao.

3. Tuyển chọn tôm giống

a) Giống thả nuôi phải có các giấy tờ, hóa đơn ghi xuất xứ rõ ràng; giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cỡ giống thả nuôi:

Đối với tôm sú: Tối thiểu Postlarvae 15 (PL15) tương ứng với chiều dài 12mm

- Đối với tôm thẻ chân trắng: Tối thiểu Postlarvae 12 (PL12) tương ứng với chiều dài 9 - 11mm.

4. Mật độ thả giống

Tùy vào đối tượng nuôi, hình thức nuôi, mức độ đầu tư, chủ cơ sở nuôi tôm thực hiện thả giống theo sự hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh và Phòng Kinh tế thành phố.

5. Thức ăn

a) Thức ăn sử dụng trong quá trình nuôi phải có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam, có nhãn hàng hóa đầy đủ theo quy định về ghi nhãn hàng hóa và được bảo quản theo hướng dẫn ghi trên nhãn hàng hóa.

b) Thức ăn cho từng cỡ tôm, liều lượng và số lần cho ăn trong ngày thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

c) Không sử dụng thức ăn đã hết hạn sử dụng.

6. Thuốc, chế phẩm sinh học, hóa chất và chất xử lý cải tạo môi trường

a) Thuốc, chế phẩm sinh học, hóa chất và chất xử lý cải tạo môi trường dùng cho việc phòng, trị bệnh tôm, xử lý, cải tạo ao nuôi phải có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam; có nhãn hàng hóa đầy đủ theo quy định về ghi nhãn hàng hóa và được bảo quản theo hướng dẫn ghi trên nhãn hàng hóa.

b) Liều lượng và số lần sử dụng thuốc, chế phẩm sinh học, hóa chất và chất xử lý cải tạo môi trường trong ngày thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

c) Khuyến khích sử dụng các chế phẩm sinh học hoặc các chất xử lý, cải thiện môi trường trong quá trình nuôi.

d) Không sử dụng thuốc, chế phẩm sinh học, hóa chất và chất xử lý cải tạo môi trường đã hết hạn sử dụng.

7. Môi trường ao nuôi

Kiểm tra hàng ngày đối với các chỉ tiêu: Oxy hòa tan (DO), pH, độ mặn, độ trong, nhiệt độ và 3-5 ngày/lần đối với các chỉ tiêu: Độ kiềm, NH₃, H₂S bảo đảm giá trị của các thông số quy định tại bảng 1 - Phụ lục 1.

8. Sức khỏe tôm nuôi

Cơ sở nuôi tôm phải xây dựng và thực hiện đúng kế hoạch giám sát sức khỏe tôm nuôi theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 của Quy chế này.

9. Thu hoạch

a) Khu vực cần, giao tôm không bị ngập nước và đọng nước. Không để nước chảy vào ao nuôi.

b) Dụng cụ chứa tôm sau thu hoạch phải làm bằng vật liệu bền, không thấm nước, không rỉ sét, không bị ăn mòn, có bề mặt nhẵn.

c) Cơ sở nuôi tôm phải ngừng sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất trước khi thu hoạch tôm theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

10. Nước thải, chất thải

a) Nước từ ao xử lý nước thải chỉ được xả ra môi trường xung quanh khi bảo đảm giá trị của các thông số quy định tại bảng 2 - Phụ lục 1.

b) Không xả nước thải sinh hoạt vào ao nuôi và ao chứa/lắng.

c) Rác thải trong sinh hoạt, bao bì của các sản phẩm sử dụng trong cơ sở nuôi phải được cho vào thùng chứa có nắp đậy. Thùng chứa không được đặt trên bờ ao nuôi và ao chứa/lắng.

Điều 6. Quy định về bảo vệ môi trường vùng nuôi tôm

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Xử lý chất thải rắn: Cơ sở nuôi tôm phải giữ vệ sinh chung trong và ngoài vùng nuôi tôm tập trung; rác thải, bùn hữu cơ trong quá trình cải tạo, làm vệ sinh sau khi thu hoạch tôm phải đưa đi xa vùng nuôi và đổ tại nơi quy định. Quá trình vận chuyển chất thải không được để rơi vãi. Tuyệt đối không vớt các chất thải, hóa chất độc hại (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ,..) ở trong vùng nuôi.

3. Khi phát hiện tôm nuôi có hiện tượng nhiễm bệnh, chủ ao nuôi không được giấu dịch, phải báo ngay cho cán bộ thú y phường, đồng thời báo ngay cho HTX, Tổ nuôi tôm cộng đồng và các hộ xung quanh biết để có các biện pháp phòng, chống dịch. Chủ ao nuôi phải nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong việc xử lý bệnh tôm:

a) Phải thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thủy sản khi có quyết định công bố dịch.

b) Không đưa vào hoặc mang ra khỏi vùng có dịch, thủy sản và sản phẩm thủy sản dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố.

e) Không mang ra khỏi vùng có dịch các loại thức ăn chăn nuôi, dụng cụ chăn nuôi, chất thải động vật thủy sản có khả năng làm lây lan dịch bệnh đã công bố.

d) Động vật thủy sản chỉ được phép vận chuyển ra ngoài vùng có dịch sau khi đã xử lý theo đúng hướng dẫn và có giấy chứng nhận kiểm dịch của Trạm Chăn nuôi Thú y thành phố.

e) Hạn chế vận chuyển qua vùng có dịch giống thủy sản mắc bệnh dịch đang công bố.

g) Phải chấp hành quy định xử lý động vật thủy sản mắc bệnh, nghi mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

h) Phải chấp hành quy định lấy mẫu chẩn đoán, xét nghiệm bệnh định kỳ của cơ quan thú y thủy sản.

i) Không được đổ, thải thức ăn chăn nuôi, nước rửa, xác các loại thủy sản đã nhiễm bệnh vào các vùng nước tự nhiên, vùng nước nuôi thủy sản khác.

k) Không được xả nước hoặc các chất thải chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn quy định từ nơi có dịch bệnh thủy sản sang vùng nước nuôi thủy sản khác.

l) Các ao nuôi tôm bị bệnh, sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy phải khử trùng nước trong ao; tẩy trùng, sát khuẩn, xử lý nền đáy; diệt giáp xác và các vật chủ trung gian truyền bệnh trong ao.

m) Những người tham gia quá trình xử lý, tiêu hủy tôm phải thực hiện vệ sinh cá nhân để tiêu diệt mầm bệnh, tránh làm phát tán mầm bệnh ra các địa điểm khác.

4. Đối với cơ sở nuôi chưa có bệnh ở vùng có dịch cần áp dụng các biện pháp sau:

a) Áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và thường xuyên vệ sinh tiêu độc môi trường, khu vực nuôi trồng thủy sản.

b) Tăng cường chăm sóc và nâng cao sức đề kháng cho động vật thủy sản

c) Không thả mới hoặc thả bổ sung động vật thủy sản mắc bệnh dịch đã công bố trong thời gian công bố dịch.

d) Đối với cơ sở nuôi ao, đầm: Hạn chế tối đa bổ sung nước, thay nước trong thời gian địa phương có công bố dịch hoặc cơ sở nuôi xung quanh có thông báo xuất hiện bệnh.

e) Tăng cường giám sát chủ động nhằm phát hiện sớm động vật thủy sản mắc bệnh, báo cáo với chính quyền địa phương hoặc nhân viên thú y phường và áp dụng biện pháp phòng chống kịp thời.

f) Cần phải dùng lưới rào chắn quanh ao, rải vôi quanh bờ để ngăn chặn các loại giáp xác mang mầm bệnh vào ao, xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.

g) Đối với các hồ có tôm bị bệnh, trước khi thả lại tôm phải thực hiện quy trình xử lý mầm bệnh theo sự hướng dẫn và giám sát của cơ quan chuyên môn.

5. Về kinh phí đóng góp cho công tác dập dịch: Thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, tỉnh và thành phố. Trong trường hợp các chủ hồ nuôi tôm không thực hiện việc khai báo ban đầu thì không được hỗ trợ kinh phí dập dịch của tỉnh và thành phố.

6. Các trường hợp cố ý vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm sẽ bị xử phạt theo quy định hiện hành.

Điều 7. Tổ chức quản lý vùng nuôi tôm

Hội đồng quản trị HTX Đông Giang 2 trực tiếp quản lý vùng nuôi tôm tập trung, trực tiếp hướng dẫn, tạo điều kiện để tổ nuôi tôm cộng đồng hoạt động hiệu quả. Thành lập mới các Tổ nuôi tôm cộng đồng ở các vùng nuôi để thực hiện quản lý vùng nuôi theo Quy chế này.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ CƠ SỞ NUÔI TÔM

Điều 8. Quyền của chủ cơ sở nuôi tôm

1. Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao đất, cho thuê đất để nuôi tôm theo quy định tại Điều 43 của Luật Thủy sản 2017.

2. Được Nhà nước bảo vệ khi tổ chức, cá nhân khác xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình nuôi tôm; được bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh trong thời hạn được giao quyền sử dụng đất, quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Được thông báo về tình hình môi trường, dịch bệnh trên tôm nuôi, hướng dẫn các kỹ thuật, mô hình nuôi tôm tiên tiến, có hiệu quả; thông tin kịp thời về thị trường con tôm.

4. Được Nhà nước hỗ trợ khôi phục sản xuất trong trường hợp bị thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai theo quy định.

5. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận nuôi đối tượng chủ lực khi có yêu cầu.

Điều 9. Nghĩa vụ của chủ cơ sở nuôi tôm

1. Chủ cơ sở nuôi tôm phải thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý vùng nuôi tôm của UBND phường.

2. Sử dụng diện tích đất được giao đúng mục đích, ranh giới để nuôi tôm và bảo vệ các công trình phục vụ chung cho vùng nuôi tôm tập trung trên địa bàn phường.

3. Tuân thủ quy định về phòng, chống thiên tai; bảo đảm an toàn cho người và tài sản trong quá trình nuôi tôm; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

4. Sử dụng trang thiết bị, tôm giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định.

5. Lưu giữ hồ sơ về giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản dùng trong quá trình nuôi tôm và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình nuôi để bảo đảm truy xuất nguồn gốc.

6. Bắt buộc thực hiện đăng ký mới/ đăng ký lại đối tượng nuôi chủ lực (đối với tôm thẻ, tôm sú) theo Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Hồ sơ đăng ký mới bao gồm:

+ Đơn đăng ký theo mẫu số 26.NT Phụ lục III, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (phụ lục đính kèm).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biên hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biên để nuôi trồng thủy sản.

+ Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.

- Hồ sơ đăng ký lại bao gồm:

+ Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục II, Nghị định 26/2019/NĐ-CP (phụ lục đính kèm).

+ Bản chính giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất);

+ Trường hợp có sự thay đổi chủ cơ sở nuôi phải có giấy tờ chứng minh; thay đổi diện tích ao nuôi, mục đích sử dụng phải có sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.

- Đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực khi thuộc một trong các trường hợp sau: giấy xác nhận đăng ký bị mất, bị rách; thay đổi chủ cơ sở nuôi; thay đổi diện tích ao nuôi; thay đổi đối tượng nuôi; thay đổi mục đích sử dụng.

- Trình tự thực hiện: Chủ cơ sở nuôi hoàn thiện hồ sơ, nộp hồ sơ đăng ký tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị để được tiếp nhận, xử lý theo quy trình.

- Đối với các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè hoặc nuôi đối tượng thủy sản chủ lực trước ngày Nghị định số 26/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (25/4/2019) phải thực hiện đăng ký theo quy định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định số 26/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Theo quy định của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 15/6/2019 của Chính phủ về Quy

định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thì các cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè hoặc nuôi các đối tượng chủ lực không có giấy xác nhận đăng ký của cấp tỉnh là bất hợp pháp, sẽ xử phạt hành chính từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng theo quy định.

7. Thực hiện nghiêm túc việc kê khai ban đầu khi xuống vụ nuôi nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động nuôi trồng thủy sản và làm cơ sở hỗ trợ thiệt hại khi có thiên tai dịch bệnh xảy ra trên địa bàn theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. (phụ lục đính kèm).

8. Tiến hành ký cam kết nuôi tôm an toàn thực phẩm theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nuôi trồng thủy sản, chất lượng, an toàn thực phẩm của sản phẩm nuôi trồng thủy sản do cơ sở cung cấp; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình nuôi trồng thủy sản. (phụ lục đính kèm).

Chương IV

NHỮNG HÀNH VI BỊ CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI TÔM

Điều 10. Những hành vi bị cấm trong hoạt động nuôi tôm

1. Sử dụng kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.
2. Sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.
3. Sử dụng giống thủy sản nằm ngoài Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nuôi trồng thủy sản.
4. Đưa tạp chất vào thủy sản nhằm mục đích gian lận thương mại.
5. Phá hủy, tháo dỡ, lấn chiếm, gây hư hại các công trình chung giao thông, thủy lợi, hệ thống điện phục vụ vùng nuôi tôm tập trung của phường.
6. Không khai báo khi phát sinh dịch bệnh trong quá trình nuôi tôm, tự ý xả nước ra môi trường mà chưa được cơ quan chức năng cho phép.
7. Có hành vi chống đối, cản trở công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động nuôi tôm trên địa bàn.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NUÔI TÔM TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG

Điều 11. Trách nhiệm của công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường phụ trách lĩnh vực Địa chính - Môi trường

Tham mưu UBND phường toàn bộ công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động nuôi tôm trên địa bàn phường. Phối hợp triển khai thực hiện quy chế cho

các tổ chức và cơ sở nuôi tôm. Phối hợp kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực Thủy sản và môi trường theo quy định.

Tham mưu UBND phường công tác lập quy hoạch chi tiết vùng nuôi thủy sản tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi tập trung đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 12. Trách nhiệm của công chức Văn phòng - Thống kê phụ trách lĩnh vực Thống kê

Tham mưu thực hiện công tác thống kê về hoạt động nuôi tôm trên địa bàn. Xây dựng và nhân rộng các mô hình nuôi tôm đạt hiệu quả cao, ổn định, bền vững về môi trường. Phối hợp thực hiện công tác đăng ký số lượng thủy sản ban đầu đối với các cơ sở nuôi tôm. Phối hợp tham mưu công tác khen thưởng và xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có)

Điều 13. Trách nhiệm của HTX Đông Giang 2

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này cho Tổ nuôi tôm cộng đồng và chủ cơ sở nuôi tôm, bảo đảm việc thực hiện nghiêm chỉnh quy chế quản lý vùng nuôi tôm trên địa bàn.

2. Xây dựng quy chế cụ thể cho từng vùng nuôi tôm. Tiến hành kiện toàn Tổ nuôi tôm cộng đồng trên địa bàn; thành lập mới các Tổ nuôi tôm cộng đồng đối với các vùng nuôi tôm tập trung chưa có. Hướng dẫn, vận động, tuyên truyền các Tổ xây dựng Quỹ cộng đồng nuôi tôm để kịp thời xử lý các tình huống khi có dịch bệnh xảy ra, giảm rủi ro và hạn chế thiệt hại cho cộng đồng vùng nuôi, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của người nuôi tôm trong bảo vệ vùng nuôi tôm.

3. Tổ chức ký cam kết và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nội dung ký cam kết sản xuất an toàn thực phẩm đối với các chủ cơ sở nuôi tôm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Triển khai thực hiện hoạt động kê khai ban đầu khi xuống vụ đối với các chủ cơ sở nuôi tôm để quản lý Nhà nước theo quy định.

5. Phối hợp với Trạm Chăn nuôi Thú y thành phố, Phòng Kinh tế thành phố và cán bộ Thú y phường kiểm tra, giám sát phát hiện sớm dịch bệnh; khi có dịch bệnh xảy ra, kịp thời thông tin cho cán bộ và cơ quan thú y để kiểm tra, chẩn đoán, lấy mẫu bệnh phẩm gửi xét nghiệm, khoanh vùng, xử lý không cho dịch bệnh lây lan.

Điều 14. Trách nhiệm của Tổ nuôi tôm cộng đồng

Tổ nuôi tôm cộng đồng có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến từng chủ cơ sở nuôi tôm trong vùng nuôi tôm. Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Quy chế này. Cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình nuôi, diễn biến vùng nuôi tôm, dấu hiệu bệnh của các ao nuôi trong vùng, tạo điều kiện

thuận lợi cho các cơ quan chức năng liên quan hoạt động khi có yêu cầu. Phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý dịch bệnh trên con tôm.

Điều 15. Trách nhiệm của nhân viên Thú y và Khuyến nông phường

1. Tham mưu UBND phường chỉ đạo, giám sát hoạt động nuôi tôm trên địa bàn; kiểm soát chất lượng con giống, thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nước nuôi thủy sản; hoạt động kê khai ban đầu khi xuống vụ đối với các chủ cơ sở nuôi tôm, ký cam kết và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nội dung ký cam kết sản xuất an toàn thực phẩm;

2. Phối hợp với HTX Đông Giang 2, Tổ nuôi tôm cộng đồng hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng bệnh, điều trị và chống dịch bệnh động vật thủy sản tại cơ sở nuôi, buôn bán, bảo quản, vận chuyển động vật thủy sản.

3. Kịp thời nắm bắt thông tin tình hình dịch bệnh; phối hợp kiểm tra, lấy mẫu bệnh phẩm đồng thời hướng dẫn các biện pháp khẩn cấp khoanh vùng dịch, không để dịch lây lan trên diện rộng.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp tăng cường kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển động vật thủy sản; kiểm tra vệ sinh thú y, sử dụng thức ăn, chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo môi trường thuốc thú y, vắc xin, hóa chất.

5. Tham mưu xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch hàng năm; sẵn sàng lực lượng, phương tiện, hóa chất để ứng phó khi có dịch xảy ra.

6. Cán bộ khuyến nông phường có trách nhiệm tham mưu các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn nhằm hỗ trợ các cơ sở trong hoạt động nuôi tôm.

Điều 16. Trách nhiệm của Công an phường

Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn nói chung và khu vực nuôi tôm nói riêng. Phối hợp xử lý các vấn đề về an ninh trật tự, an toàn xã hội xảy ra tại khu vực nuôi tôm tập trung. Kịp thời nắm thông tin và thực hiện công tác đăng ký lưu trú các trường hợp người lao động, làm thuê... đến sinh sống, lưu trú tại vùng nuôi tôm tập trung của phường.

Tham mưu UBND phường xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thủy sản và môi trường theo Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 17. UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội phường và các khu phố

Phối hợp tuyên truyền đến các hội viên, đoàn viên, các hộ dân của khu phố có nuôi tôm các nội dung liên quan đến Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Quy chế quản lý nuôi tôm trên địa bàn phường; vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tuân thủ, tự giác thực hiện.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT

ĐƠN THƯ, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 18. Khen thưởng

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuyên truyền, thực hiện Quy chế này thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này và có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị chấm dứt hợp đồng thuê đất, Chủ tịch UBND phường phạt tiền đến 5.000.000 đồng và Trưởng Công an phường phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

Đối với các hành vi vi phạm hành chính có tính chất nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền xử lý, UBND phường sẽ trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra một số hành vi còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm an ninh trật tự tại khu vực nuôi tôm tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 20. Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền gửi đơn thư, khiếu nại, tố cáo với chính quyền địa phương đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này. Việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan phản ánh về UBND phường (qua công chức Địa chính - Xây dựng) xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Kiệt